BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB THỊNH VƯỢNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-09
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11-12
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	13-39
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14-15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19-39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 năm 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPDC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà:	Nguyễn Thị Thanh Nga	Chủ tịch
Bà:	Đặng Minh Huyền	Thành viên
Bà:	Trần Thị Bích Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông:	Giang Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc
Ông:	Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HDGS/BIDV - MBCapital ngày 16 tháng 07 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Nguyễn Thị Thanh Nga
Chủ tịch Ban đại diện
Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB THỊNH VƯỢNG

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Đầu tư tích lũy bên cạnh bảo hiểm xã hội bắt buộc, giúp tăng thu nhập của người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu. Nhà nước khuyến khích phát triển chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện thông qua các chính sách ưu đãi quy định tại pháp luật về thuế.
Gia tăng gắn kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.
Là công cụ được hưởng miễn, giảm thuế cho người lao động và người sử dụng lao động.
Gia tăng tài sản tiết kiệm.
Tạo thói quen tích luỹ, nâng cao tỷ lệ tiết kiệm.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ tăng 53,34% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ tăng 5,91% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB Thịnh Vượng là hướng tới việc phân bổ danh mục hiệu quả nhằm đạt được lợi nhuận tối ưu cho người tham gia quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 50% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt; không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ;
- Trái phiếu Cbính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
- Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.

1.4 . Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.5 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng là Quỹ Tài chính để thực hiện chương trình hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB theo thông báo thành lập Quỹ số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 07 năm 2021 và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện và các quy định pháp luật có liên quan;
Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

1.6 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 87.697.866.200 VND, tương đương với 8.769.786,62 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 104.970.463.679 VND.

1.7 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.8 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ.
Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoản thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.
Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	31/12/2024	31/121/2023	31/12/2022
	%	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,53%	0,21%	0,16%
2. Trái phiếu niêm yết	52,30%	55,03%	51,61%
3. Chứng chỉ quỹ	14,62%	9,56%	9,70%
4. Tài sản khác	32,55%	35,20%	38,53%
	100%	**100%**	**100%**

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	104.970.463.679	68.454.233.124	36.490.797.666
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	8.769.786,62	6.056.990,69	3.478.295,05
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	11.970	11.302	10.491
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	11.970	11.302	10.525
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	11.347	10.541	10.183
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	0,42%	0,30%	0,17%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	13,98%	39,37%	88,35%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	5,91%	5,91%
3 năm đến thời điểm báo cáo	17,66%	5,57%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	19,70%	5,56%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	5,91%	7,73%	3,13%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

GDP năm 2024 tăng trưởng 7,09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Mức tăng trưởng hàng quý cũng có xu hướng tăng dần trong suốt năm 2024, cho thấy nền kinh tế vẫn đang liên tục cải thiện.

Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.
Cả năm 2024, FDI đăng ký ở mức 38,23 tỷ USD, giảm 3% so với 2023, FDI giải ngân tăng 9,4% lên 25,35 tỷ USD. Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công năm 2024 ước đạt 77,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lũy kế năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu ước đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ và xuất khẩu ước đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3%.

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2024 là 330,376 tỷ đồng, tương đương 82,6% kế hoạch cả năm (400,000 tỷ đồng). Lợi suất nhích tăng trong nửa đầu năm, trong đó kỳ hạn thanh khoản 10-15Y tăng khoảng 50 điểm cơ bản, sau đó đi ngang trong nửa cuối của năm. Thanh khoản thị trường bật tăng trở lại sau giai đoạn thanh khoản thắt chặt 2022-2023.

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410,544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32,914 tỷ đồng. Khối lượng phát hành trong năm 2024 chủ yếu đến từ các ngân hàng (70%). Việc chậm thanh toán gốc và lãi vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, hiện tượng này đang diễn ra với tốc độ chậm hơn.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.I . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	3,87%	15,45%	17,21%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	2,04%	2,21%	2,49%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	5,91%	17,66%	19,70%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	5,91%	5,57%	5,56%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 31/12/2024 như sau:

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2024	31/12/2023	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	104.970.463.679	68.454.233.124	53,34%
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ	11.970	11.302	5,91%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	337	758.919,91	8,65%
Từ 5.000 đến 10.000	221	1.592.591,06	18,16%
Từ trên 10.000 đến 50.000	300	5.571.518,33	63,53%
Từ trên 50.000 đến 500.000	14	846.757,32	9,66%
	872	8.769.786,62	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dự báo kinh tế vĩ mô

Chúng tôi kỳ vọng, mục tiêu tăng trưởng GDP cao cùng mục tiêu ổn định các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn.

Dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Chúng tôi cũng dự báo thị trường việc phát hành mới trái phiếu doanh nghiệp trong các quý tiếp theo sẽ sôi động hơn, đặc biệt là nửa cuối năm 2025. Số lượng tổ chức phát hành kỳ vọng sẽ tăng và đa dạng hơn về ngành nghề. Lãi suất phát hành có thể tăng nhẹ nhưng vẫn là trong môi trường lãi suất thấp để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu phát triển chất lượng hơn.

Quy mô thị trường dần bước vào giai đoạn ổn định. Quá trình tái cơ cấu tiếp diễn với nghị định 08 trong bối cảnh thuận lợi hơn nhờ lãi suất vẫn đang ở mặt bằng thấp, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thứ cấp dần đi vào ổn định với lượng trái phiếu niêm yết và thanh khoản tăng.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ông Hà Anh Tùng
Giám đốc Đầu tư

Ông Hà Anh Tùng có trên 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Tùng có 5 năm làm trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư tại Công ty quản lý quỹ IPA, phụ trách quản lý danh mục đầu tư ủy thác của khách hàng tổ chức.

Trước đó, ông Tùng là chuyên gia quản lý danh mục tại Tổng công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC).
Gia nhập MB Capital từ năm 2018, hiện ông Tùng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư phụ trách quản lý danh mục ủy thác cho Khách hàng có quy mô vốn lớn và quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu. Ông Tùng từng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại trường Đại học Ngoại thương.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Tháng 02/2019 Bà Nga được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Bà Đặng Minh Huyền
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) từ năm 2007, Bà Đặng Minh Huyền có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc tại MB và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Phòng Quản lý tín dụng, Trưởng bộ phận thẩm định SME Khối quản trị rủi ro, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Năm 2017, Bà Huyền được bổ nhiệm làm thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital (JAMBF) và tham gia vào hội đồng đầu tư của Quỹ JAMBF. Hiện nay, Bà Huyền đang giữ chức Giám đốc nhân sự, Khối Tổ chức nhân sự MB.

Bà Trần Thị Bích Thuận
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Trần Thị Bích Thuận tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương và có bằng Thạc sĩ quản lý tài chính của Đại học Bordeaux - Pháp, Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Bà Thuận có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Khối Nguồn Vốn và Kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Thuận hiện đang giữ chức Phó giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ MB.

S.G.P: 21 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
Q. ĐỐNG ĐA

Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025

Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện MB Thịnh Vượng

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện MB Thịnh Vượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì giai đoạn này, Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện MB Thịnh Vượng đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB, Ngân hàng giám sát đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hưu trí và văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc đóng góp/chi trả đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**
Ông Nguyễn Mạnh Cường **Phó Giám đốc**	**Ông Nguyễn Ngọc Vinh** **Chuyên viên**

Số: 240125.006/BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện**
Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được lập 24 tháng 01 năm 2025, từ trang 13 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo danh mục đầu tư, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà	**Đoàn Thị Thúy**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1	số: 0937-2023-002-1
Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025	

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**I.**	**THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**5.153.842.299**	**4.134.519.766**
02	1.1	Cổ tức, trái tức được chia	3	1.898.489.438	1.237.717.955
03	1.2	Tiền lãi được nhận	4	1.714.675.730	1.327.052.752
04	1.3	Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	-	804.875.715
05	1.4	Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	1.540.677.131	764.873.344
10	**II.**	**CHI PHÍ ĐẦU TƯ**		**2.277.633**	**6.158.955**
11	2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	2.277.633	6.158.955
20	**III.**	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ HƯU TRÍ**		**363.362.332**	**153.068.775**
20.1	3.1	Phí quản lý quỹ		-	-
20.2	3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ		38.233.330	502.947
20.3	3.3	Phí dịch vụ giám sát		41.066.666	-
20.4	3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ		41.066.666	-
20.5	3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		198.000.000	115.500.000
20.8	3.6	Chi phí kiểm toán		42.500.000	35.500.000
0.10	3.7	Chi phí hoạt động khác	8	2.495.670	1.565.828
23	**IV.**	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**4.788.202.334**	**3.975.292.036**
24	**V.**	**KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**		-	-
24.1	5.1	Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2	Chi phí khác		-	-
30	**VI.**	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**4.788.202.334**	**3.975.292.036**
31	6.1	Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		3.247.525.203	3.210.418.692
32	6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.540.677.131	764.873.344
40	**VII.**	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**		-	-
41	**VIII.**	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**4.788.202.334**	**3.975.292.036**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

Nguyễn Thu Uyên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giang Trung Kiên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
		Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	**I. TÀI SẢN**				
110	1.	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	562.509.860	145.624.718
111	1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		562.509.860	145.624.718
120	2.	Các khoản đầu tư thuần	10	102.013.720.597	67.191.476.321
121	2.1	Các khoản đầu tư		102.013.720.597	67.191.476.321
121	*2.1.1*	*Các khoản đầu tư trái phiếu*		*55.005.000.729*	*38.039.610.609*
121	*2.1.2*	*Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng*		*31.635.000.000*	*22.543.000.000*
121	*2.1.3*	*Chứng chỉ quỹ*		*15.373.719.868*	*6.608.865.712*
130	3.	Các khoản phải thu	11	2.598.285.896	1.792.419.296
133	3.1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.598.285.896	1.792.419.296
136	*3.1.1*	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*2.598.285.896*	*1.792.419.296*
100	**TỔNG TÀI SẢN**			**105.174.516.353**	**69.129.520.335**

Mã số	NGUỒN VỐN				
300	**II. NỢ PHẢI TRẢ**				
314	1.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	133.316
316	2.	Chi phí phải trả	12	21.250.000	35.500.000
317	3.	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	13	63.000.000	61.200.000
318	4.	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	14	-	577.950.948
319	5.	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	15	119.802.674	502.947
300	**TỔNG NỢ PHẢI TRẢ**			**204.052.674**	**675.287.211**
400	**III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ**		**16**	**104.970.463.679**	**68.454.233.124**
411	1.	Vốn góp của Nhà đầu tư		87.697.866.200	60.569.906.900
412	1.1	Vốn góp phát hành		95.359.099.200	63.827.762.100
413	1.2	Vốn góp mua lại		(7.661.233.000)	(3.257.855.200)
414	2.	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		7.914.857.510	3.314.788.589
420	3.	Lợi nhuận chưa phân phối	17	9.357.739.969	4.569.537.635
430	**IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ**			**11.970**	**11.302**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	8.769.786,62	6.056.990,69

Nguyễn Thu Uyên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giang Trung Kiên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB *Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu năm**	**68.454.233.124**	**36.490.797.666**
II.	**Thay đổi NAV trong năm**	**4.788.202.334**	**3.975.292.036**
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	4.788.202.334	3.975.292.036
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	**Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)**	**31.728.028.221**	**27.988.143.422**
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	36.872.224.755	31.367.995.330
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	5.144.196.534	3.379.851.908
IV.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV= I+II+III)**	**104.970.463.679**	**68.454.233.124**

Nguyễn Thu Uyên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giang Trung Kiên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB *Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
			VND	VND	%
I	**Cổ phiếu chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ không niêm yết**				
	Chứng chỉ quỹ				
1	MBVF	690.085,28	22.278	15.373.719.868	14,62%
	Tổng	**690.085,28**		**15.373.719.868**	**14,62%**
II	**Trái phiếu niêm yết**				
1	TD1727396	28.500	102.188,47	2.912.371.404	2,77%
2	TD1828113	177.596	110.436,30	19.613.044.487	18,65%
3	TD1934189	52.270	113.775,96	5.947.069.380	5,65%
4	TD1934191	48.358	116.509,00	5.634.142.222	5,36%
5	TD2232114	37.200	115.610,75	4.300.719.900	4,09%
6	TD2333116	48.000	102.437,90	4.917.019.041	4,68%
7	TD2338132	100.980	115.672,75	11.680.634.295	11,11%
	Tổng	**492.904**		**55.005.000.729**	**52,30%**
III	**Các tài sản khác**				
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.812.064.746	1,72%
2	Dự thu lãi tiền gửi			786.221.150	0,75%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			31.635.000.000	30,08%
	Tổng			**34.233.285.896**	**32,55%**
IV	**Tiền**				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			562.509.860	0,53%
	Tổng			**562.509.860**	**0,53%**
IV	**Tổng giá trị danh mục**			**105.174.516.353**	**100%**

Nguyễn Thu Uyên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giang Trung Kiên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
		Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(54.494.108.969)	(61.932.832.422)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		20.908.000.000	31.439.859.300
04	4. Tiền lãi đã thu		3.111.840.392	2.166.348.859
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ		(259.145.962)	(149.465.828)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(2.277.633)	(6.158.955)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		22.083.357	-
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(21.250.000)	-
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(30.734.858.815)***	***(28.482.249.046)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		36.874.024.755	31.370.195.330
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(5.722.280.798)	(2.801.767.644)
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***31.151.743.957***	***28.568.427.686***
40	**III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**416.885.142**	**86.178.640**
50	**IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	9	**145.624.718**	**59.446.078**
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		145.624.718	59.446.078
52	*Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ*		*84.424.718*	*446.078*
53	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ*		*61.200.000*	*59.000.000*
55	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	9	**562.509.860**	**145.624.718**
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		562.509.860	145.624.718
57	*Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ*		*499.509.860*	*84.424.718*
58	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ*		*63.000.000*	*61.200.000*
60	**VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM**		**416.885.142**	**86.178.640**

Nguyễn Thu Uyên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giang Trung Kiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
		Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 năm 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPDC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HDGS/BIDV - MBCapital ngày 16 tháng 07

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB Thịnh Vượng là hướng tới việc phân bổ hiệu quả nhằm đạt được lợi nhuận tối ưu cho người tham gia Quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 50% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có).

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được công bố công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào ngày Thứ Năm thứ hai và thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch kế tiếp và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ. Tần suất giao dịch không ít hơn một (01) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ của một quỹ đầu tư chứng khoán.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của Người tham gia quỹ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc đo tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ; Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Thông tư số 86/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:
1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi các khoản đầu tư" chưa đến ngày nhận trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:
- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, trái phiếu được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; Biến động bất thường của giá Trái phiếu: - Giá trái phiếu có biến động bất thường là giá có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất. Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: - Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước định giá.
4.	Quỹ, Quỹ thành viên	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ của ngày có giao dịch/ngày định giá gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Lệnh đăng ký đóng góp

Lệnh đóng góp phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư đóng góp vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Lệnh đóng góp được phản ánh theo mệnh giá.

Lệnh chi trả/chuyển đổi

Lệnh chi trả phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Lệnh chi trả được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư Lệnh đóng góp của Nhà đầu tư

Thặng dư lệnh đóng góp/ chi trả thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được đóng góp/ chi trả.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư lệnh đóng góp và thặng dư lệnh chi trả.
- Thặng dư lệnh đóng góp là chênh lệch giữa giá đóng góp chứng chỉ quỹ và mệnh giá
- Thặng dư lệnh chi trả là chênh lệch giữa giá chứng chỉ Quỹ chi trả và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch đo đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có) được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hàng đơn vị.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ (*)

Giá dịch vụ quản lý là 1,2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,2% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá trị tài sản ròng tính phí quản lý = Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ – phần giá trị tài sản của khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ quản lý

Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát (**)

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Lưu Ký (**)

Giá Dịch vụ lưu ký là 0,04%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch vụ lưu ký = 0,04% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:
Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị quỹ (**)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:
Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

(*) Theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB về mức giá dịch vụ áp dụng cho các quỹ hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB: được miễn phí cho đến khi được thay thế bằng văn bản khác.

(**) Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được áp dụng kể từ năm thứ tư tính từ ngày Quỹ chính thức hoạt động. Kể từ ngày 22 tháng 09 năm 2024, Quỹ bắt đầu chịu các khoản phí này.

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho Người tham gia quỹ, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Chi tiết mức giá dịch vụ như sau:

- 15.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản dưới 30.000 tài khoản;
- 20.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản từ 30.000 tài khoản đến 50.000 tài khoản;
- 25.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản trên 50.000 tài khoản;
- Cung cấp danh sách người sở hữu: 1.000.000 VND/ lần lập danh sách.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ.
Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức khi thực hiện Lệnh chi trả.
Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoải thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.

Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

Từ tháng 11 năm 2023, mức thuế áp dụng đối với người lao động đảm bảo đủ điều kiện rút 1 lần trước tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả 1 lần toàn bộ số tiền tích lũy sau khi đã đến tuổi nghỉ hưu: là thu nhập từ đầu tư vốn với thuế suất là 5% từ phần lợi tức (kết quả đầu tư) mà người lao động được nhận, được xác định là phần tăng thêm giữa số tiền cá nhân được nhận từ Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện với khoản đã đóng Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (bao gồm khoản đóng của người sử dụng lao động và người lao động) theo công văn trả lời số 4567/TCT - DNNCN về "Chính sách thuế TNCN" ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tổng cục Thuế.

Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỔ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi trái phiếu	1.898.489.438	1.237.717.955
	1.898.489.438	**1.237.717.955**

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.714.675.730	1.327.052.752
	1.714.675.730	**1.327.052.752**

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong năm
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	10.834.226.506	10.029.350.791	804.875.715
	10.834.226.506	**10.029.350.791**	**804.875.715**

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV)(VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	55.025.070.787	55.005.000.729	(20.070.058)	14.106.967	(34.177.025)
Chứng chỉ quỹ	13.467.680.000	15.373.719.868	1.906.039.868	331.185.712	1.574.854.156
	68.492.750.787	**70.378.720.597**	**1.885.969.810**	**345.292.679**	**1.540.677.131**

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2023 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2023 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2022 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	38.025.503.642	38.039.610.609	14.106.967	(10.491.999)	24.598.966
Chứng chỉ quỹ	6.277.680.000	6.608.865.712	331.185.712	(409.088.666)	740.274.378
	44.303.183.642	**44.648.476.321**	**345.292.679**	**(419.580.665)**	**764.873.344**

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phí giao dịch trái phiếu	2.277.633	6.158.955
	2.277.633	**6.158.955**

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phí ngân hàng	2.495.670	1.565.828
	2.495.670	**1.565.828**

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	499.509.860	84.424.718
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	63.000.000	61.200.000
	562.509.860	**145.624.718**

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024					
Trái phiếu niêm yết	55.025.070.787	55.005.000.729	37.372.034	(57.442.092)	55.005.000.729
Chứng chỉ quỹ	13.467.680.000	15.373.719.868	1.906.039.868	-	15.373.719.868
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	31.635.000.000	31.635.000.000	-	-	31.635.000.000
	100.127.750.787	**102.013.720.597**	**1.943.411.902**	**(57.442.092)**	**102.013.720.597**
Tại ngày 31/12/2023					
Trái phiếu niêm yết	38.025.503.642	38.039.610.609	15.056.870	(949.903)	38.039.610.609
Chứng chỉ quỹ	6.277.680.000	6.608.865.712	331.185.712	-	6.608.865.712
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	22.543.000.000	22.543.000.000	-	-	22.543.000.000
	66.846.183.642	**67.191.476.321**	**346.242.582**	**(949.903)**	**67.191.476.321**

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	1.812.064.746	1.222.617.284
Dự thu lãi tiền gửi	786.221.150	569.802.012
	2.598.285.896	**1.792.419.296**

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí kiểm toán	21.250.000	35.500.000
	21.250.000	**35.500.000**

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	63.000.000	61.200.000
	63.000.000	**61.200.000**

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	-	577.950.948
	-	**577.950.948**

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư chờ thanh toán theo thời hạn T+3 sau ngày giao dịch.

15 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	37.669.342	502.947
Phải trả phí dịch vụ giám sát	41.066.666	-
Phải trả phí dịch vụ quản trị	41.066.666	-
	119.802.674	**502.947**

16 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	Phát sinh trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	3.496.112,07	2.886.664,14	6.382.776,21
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.321	10.867	10.568
Giá trị ghi theo mệnh giá	34.961.120.700	28.866.641.400	63.827.762.100
Thặng dư vốn	1.121.560.785	2.501.353.930	3.622.914.715
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	**36.082.681.485**	**31.367.995.330**	**67.450.676.815**
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	17.817,02	307.968,50	325.785,52
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.447	10.975	10.946
Giá trị ghi theo mệnh giá	178.170.200	3.079.685.000	3.257.855.200
Thặng dư vốn	7.959.218	300.166.908	308.126.126
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	**186.129.418**	**3.379.851.908**	**3.565.981.326**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	**3.478.295,05**	**2.578.695,64**	**6.056.990,69**
Giá trị vốn góp hiện hành	**35.896.552.067**	**27.988.143.422**	**63.884.695.489**
Lợi nhuận chưa phân phối	**594.245.599**	**3.975.292.036**	**4.569.537.635**
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**36.490.797.666**		**68.454.233.124**
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	**10.491**		**11.302**

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	6.382.776,21	3.153.133,71	9.535.909,92
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.568	11.694	10.940
Giá trị ghi theo mệnh giá	63.827.762.100	31.531.337.100	95.359.099.200
Thặng dư vốn	3.622.914.715	5.340.887.655	8.963.802.370
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	**67.450.676.815**	**36.872.224.755**	**104.322.901.570**
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	325.785,52	440.337,78	766.123,30
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.946	11.682	11.369
Giá trị ghi theo mệnh giá	3.257.855.200	4.403.377.800	7.661.233.000
Thặng dư vốn	308.126.126	740.818.734	1.048.944.860
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	**3.565.981.326**	**5.144.196.534**	**8.710.177.860**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	**6.056.990,69**	**2.712.795,93**	**8.769.786,62**
Giá trị vốn góp hiện hành	**63.884.695.489**	**31.728.028.221**	**95.612.723.710**
Lợi nhuận chưa phân phối	**4.569.537.635**	**4.788.202.334**	**9.357.739.969**
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**68.454.233.124**		**104.970.463.679**
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	**11.302**		**11.970**

17 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	7.471.770.159	4.224.244.956
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.885.969.810	345.292.679
	9.357.739.969	**4.569.537.635**

18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	0,42%	0,30%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	13,98%	39,37%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.
Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).
Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ không niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ đo trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
1	31/12/2022	36.490.797.666	3.478.295,05	10.491	
2	11/01/2023	36.663.889.969	3.478.295,05	10.541	50
3	31/01/2023	39.096.806.155	3.681.519,86	10.620	79
4	08/02/2023	38.983.530.369	3.681.519,86	10.589	(31)
5	22/02/2023	41.287.221.014	3.886.685,42	10.623	34
6	28/02/2023	41.826.148.429	3.950.630,82	10.587	(36)
7	08/03/2023	41.937.131.993	3.950.630,82	10.615	28
8	22/03/2023	44.167.422.913	4.150.945,77	10.640	25
9	31/03/2023	44.588.159.885	4.173.673,18	10.683	43
10	12/04/2023	44.736.526.988	4.173.673,18	10.719	36
11	26/04/2023	46.916.478.479	4.377.986,47	10.716	(3)
12	30/04/2023	47.266.837.507	4.404.150,55	10.732	16
13	10/05/2023	47.353.361.582	4.404.150,55	10.752	20

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
14	24/05/2023	49.756.134.579	4.608.431,47	10.797	45
15	31/05/2023	50.196.981.387	4.644.515,10	10.808	11
16	07/06/2023	50.358.010.022	4.644.515,10	10.842	34
17	21/06/2023	52.743.022.169	4.848.111,56	10.879	37
18	30/06/2023	51.952.470.526	4.764.530,85	10.904	25
19	12/07/2023	52.036.577.112	4.764.530,85	10.922	18
20	26/07/2023	54.322.251.725	4.956.677,66	10.959	37
21	31/07/2023	54.819.348.082	4.993.286,24	10.979	20
22	09/08/2023	54.935.663.304	4.993.286,24	11.002	23
23	23/08/2023	57.037.519.194	5.190.305,60	10.989	(13)
24	31/08/2023	57.594.027.899	5.226.587,30	11.019	30
25	13/09/2023	57.813.076.502	5.226.587,30	11.061	42
26	27/09/2023	59.597.231.477	5.405.176,14	11.026	(35)
27	30/09/2023	60.070.440.171	5.441.154,08	11.040	14
28	11/10/2023	60.324.932.381	5.441.154,08	11.087	47
29	25/10/2023	62.366.729.806	5.628.682,20	11.080	(7)
30	31/10/2023	62.490.535.358	5.666.380,14	11.028	(52)
31	08/11/2023	62.786.762.035	5.666.380,14	11.081	53
32	22/11/2023	64.909.351.332	5.839.610,27	11.115	34
33	30/11/2023	65.039.619.146	5.865.243,44	11.089	(26)
34	13/12/2023	65.243.314.128	5.865.243,44	11.124	35
35	27/12/2023	68.424.598.236	6.066.325,05	11.279	155
36	31/12/2023	68.454.233.124	6.056.990,69	11.302	23

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	52.728.057.989
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm	
- *Mức thấp nhất trong năm*	3
- *Mức cao nhất trong năm*	155

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
1	31/12/2023	68.454.233.124	6.056.990,69	11.302	
2	10/01/2024	68.727.281.960	6.056.990,69	11.347	45
3	24/01/2024	71.236.659.968	6.255.944,36	11.387	40
4	31/01/2024	71.600.311.858	6.288.316,53	11.386	(1)
5	21/02/2024	72.137.616.171	6.288.316,53	11.472	86
6	29/02/2024	74.982.752.450	6.521.448,84	11.498	26
7	13/03/2024	75.092.670.018	6.521.448,84	11.515	17
8	27/03/2024	76.950.464.897	6.644.216,99	11.582	67
9	31/03/2024	77.513.211.912	6.677.954,44	11.607	25
10	10/04/2024	77.345.214.714	6.677.954,44	11.582	(25)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
11	24/04/2024	79.729.546.546	6.896.046,58	11.562	(20)
12	30/04/2024	80.150.411.137	6.919.989,77	11.582	20
13	08/05/2024	80.458.809.595	6.919.989,77	11.627	45
14	22/05/2024	83.285.872.701	7.136.985,07	11.670	43
15	31/05/2024	84.046.364.095	7.175.596,00	11.713	43
16	12/06/2024	84.261.438.905	7.175.596,00	11.743	30
17	26/06/2024	85.683.686.456	7.294.984,88	11.746	3
18	30/06/2024	85.920.215.220	7.334.597,76	11.714	(32)
19	10/07/2024	86.165.624.828	7.334.597,76	11.748	34
20	24/07/2024	88.575.679.468	7.546.506,25	11.737	(11)
21	31/07/2024	89.131.330.312	7.585.008,13	11.751	14
22	07/08/2024	88.922.528.486	7.585.008,13	11.723	(28)
23	21/08/2024	91.890.524.541	7.807.598,22	11.769	46
24	31/08/2024	90.940.826.161	7.705.839,29	11.802	33
25	11/09/2024	90.908.609.482	7.705.839,29	11.797	(5)
26	25/09/2024	93.938.163.630	7.930.161,02	11.846	49
27	30/09/2024	94.481.570.288	7.968.477,24	11.857	11
28	09/10/2024	94.481.315.748	7.968.477,24	11.857	-
29	23/10/2024	97.395.937.995	8.200.326,11	11.877	20
30	31/10/2024	97.883.017.479	8.238.710,72	11.881	4
31	13/11/2024	97.811.782.584	8.238.710,72	11.872	(9)
32	27/11/2024	100.747.472.111	8.472.012,10	11.892	20
33	30/11/2024	101.275.826.907	8.511.273,53	11.899	7
34	11/12/2024	101.520.925.218	8.511.273,53	11.928	29
35	25/12/2024	104.174.157.807	8.729.147,18	11.934	6
36	31/12/2024	104.970.463.679	8.769.786,62	11.970	36

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	86.542.166.703
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm	
- *Mức thấp nhất trong năm*	-
- *Mức cao nhất trong năm*	86

21 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	31/12/2024	31/12/2023
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	8.769.786,62	6.056.990,69

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	**122.644.295**	**6.661.902**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	120.366.662	502.947
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	2.277.633	6.158.955
Phí ngân hàng	**2.495.670**	**1.565.828**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	2.495.670	1.565.828
Lãi tiền gửi	**3.839.497**	**211.179.233**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	3.839.497	211.179.233

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	**119.802.674**	**502.947**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	119.802.674	502.947
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	**499.509.860**	**84.424.718**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	499.509.860	84.424.718
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	**63.000.000**	**61.200.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	63.000.000	61.200.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo Thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Nguyễn Thu Uyên	**Nguyễn Thị Thu Hiền**	**Giang Trung Kiên**
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
		Hà Nội, 24 tháng 01 năm 2025